

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính Phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 385/TTr-SNN&PTNT ngày 27/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND cấp huyện: Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa được phê duyệt tại Quyết định này và điều kiện thực tế của địa phương để ban hành kế hoạch cụ thể để triển khai đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh năm 2025; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2024\Quyết định\12 03 ban hành KH CĐ cây trồng, vật nuôi trên đất lúa năm 2025.docx

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 trên địa
bàn tỉnh Quảng Nam

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024 của UBND tỉnh Quảng
Nam)

TT	Huyện	Diện tích đất được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
	Tổng số	1141,92	552,05	489,87	100
	Trồng cây hàng năm	866,47	534,25	332,22	0
	Trồng cây lâu năm	224,73	0	124,73	100
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	50,72	17,80	32,92	0
	Trong đó				
1	Đại Lộc	23,37	10,72	12,65	0
-	Trồng cây hàng năm	3,12	0,12	3	0
-	Trồng cây lâu năm	5,65	0	5,65	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	14,6	10,6	4	0
2	Duy Xuyên	74,7	45,2	29,5	0
-	Trồng cây hàng năm	74,7	45,2	29,5	0
-	Trồng cây lâu năm	0	0	0	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0	0	0	0
3	Thăng Bình	399	298,47	100,53	0
-	Trồng cây hàng năm	367	298,47	68,53	0
-	Trồng cây lâu năm	22	0	22	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	10	0	10	0
4	Hội An	7,36	0,06	7,3	0
-	Trồng cây hàng năm	0,06	0,06	0	0
-	Trồng cây lâu năm	0	0	0	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	7,3	0	7,3	0

TT	Huyện	Diện tích đất được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
5	Tam Kỳ	45	6	39	0
-	Trồng cây hàng năm	45	6	39	0
-	Trồng cây lâu năm	0	0	0	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0	0	0	0
6	Núi Thành	251,5	83	168,5	0
-	Trồng cây hàng năm	197,5	82,5	115	0
-	Trồng cây lâu năm	47	0	47	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	7	0,5	6,5	0
7	Phú Ninh	151,99	92,3	59,69	0
-	Trồng cây hàng năm	107,99	86,8	21,19	0
-	Trồng cây lâu năm	37,48		37,48	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	6,52	5,5	1,02	0
8	Quế Sơn	34,9	2,4	32,5	0
-	Trồng cây hàng năm	26,9	2,4	24,5	0
-	Trồng cây lâu năm	8	0	8	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0	0	0	0
9	Tiên Phước	13,1	11	2,1	0
-	Trồng cây hàng năm	11	11	0	0
-	Trồng cây lâu năm	2,1	0	2,1	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0	0	0	0
10	Nông Sơn	28	2,9	25,1	0
-	Trồng cây hàng năm	22,2	1,7	20,5	0
-	Trồng cây lâu năm	2,5	0	2,5	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	3,3	1,2	2,1	0
11	Tây Giang	108	0	8	100

TT	Huyện	Diện tích đất được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
-	Trồng cây hàng năm	6	0	6,00	0
-	Trồng cây lâu năm	100	0	0	100
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	2	0	2	0
12	Bắc Trà My	5	5	5	0
-	Trồng cây hàng năm	5	5	5	0
-	Trồng cây lâu năm	5	5	0	0
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	5	5	0	0